Ký bởi: PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 29/10/2026 08:52:43

UBND phường Hồng Châu
Chương: 830

PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 12/9/2026 của UBND phường Hồng Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã ĐV QHNS	Mã nguồn NSNN	Mã chương	Mã ngành kinh tế	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
							Văn phòng HĐND-UBND (Chương 830)	
A	*B*					*1=2+3+4+5*	*2*	*3*
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**					**0**	**-385.551.679**	**385.551.679**
1	**Quốc phòng**					**0**	**-385.551.679**	**385.551.679**
1.1	*Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)*					***0***	***-385.551.679***	***385.551.679***
1.1.1	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, kinh phí hoạt động quốc phòng, kinh phí nâng lương thường xuyên	1158481	13	830	011	-385.551.679	-385.551.679	
		1158481	13	830	341	385.551.679		385.551.679
1.2	*Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (Nguồn 12)*							
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**							
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo							
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*							
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*							
2.2	*Kinh phí thường xuyên giao tự chủ*							
2.3	*Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ*							
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**							
3.1	*Kinh phí thường xuyên giao tự chủ*							
3.2	*Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ*							
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**							
4.1	*Kinh phí thường xuyên giao tự chủ*							
4.2	*Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ*							
5	**Chi bảo đảm xã hội**							

STT	Nội dung	Mã ĐV QHNS	Mã nguồn NSNN	Mã chương	Mã ngành kinh tế	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
							Văn phòng HĐND-UBND (Chương 830)	
5.1	*Kinh phí thường xuyên giao tự chủ*							
5.2	*Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (Nguồn 12)*							
6	**Chi các hoạt động kinh tế**							
6.1	*Kinh phí thường xuyên giao tự chủ*							
6.2	*Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ*							
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**							
7.1	*Kinh phí thường xuyên giao tự chủ*							
7.2	*Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ*							
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN						**1158481**	**1158481**
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch						**0411**	**0411**

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chi tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh và nhiệm vụ chi.